TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKHKTT: Xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu Đ, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02/5/2007.

Sau khi về chung sống với nhau theo bà T thời gian đầu vợ chồng ông bà sống hạnh phúc. Đến năm 2009 vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông Đ không chăm lo cho vợ con, luôn có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà T. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Đ tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà T và ông Đ có 02 con chung là cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 và cháu Trần Hữu D, sinh ngày 07/4/2010. Nguyện vọng của bà T sau khi ly hôn là được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Trần Hữu D, sinh ngày 07/42010, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với ông Trần Hữu Đ. Từ khi bà T bỏ về quê vào năm 2012 đến nay thì cháu N sinh sống cùng với bà T và cháu D sinh sống cùng với ông Trần Hữu Đ.

Hiện nay, bà T đang làm nông tại xã Nam P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thu nhập của bà T bình quân hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Vì vậy, bà T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chấp nhận nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Hữu Đ không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Hữu D, sinh ngày 07/4/2010 cho ông Trần Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Hữu Đ có nơi cư trú tại xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông Trần Hữu Đ không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Trần Hữu Đ vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Hữu Đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Hữu Đ vắng mặt, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hữu Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 24 cấp ngày 02 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Trần Hữu Đ không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Ông Trần Hữu Đ có đăng ký hộ khẩu thường và trú tại xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà T và ông Đ kết hôn vào năm 2007, đến năm 2012 không biết mâu thuẫn như thế nào mà bà T cùng con gái là Trần Thị Tuyết N đã bỏ về quê tại Hà Tĩnh sinh sống. Hiện nay, chỉ còn ông Đ cùng con trai là Trần Hữu D sinh sống tại địa phương. Từ năm 2012 đến nay, bà T và ông Đ không còn chung sống với nhau, bà Đ cũng không quay về địa phương.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hữu Đ có 02 con chung là cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 và cháu Trần Hữu D, sinh ngày 07/4/2010. Nguyện vọng của bà T là được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu D cho ông Đ nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không có mặt để xác định nguyện vọng của ông về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ năm 2012 đến nay bà T và ông Đ không còn chung sống với nhau thì cháu N được bà T đưa về quê chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu D sinh sống cùng với ông Đ. Nguyện vọng của bà T là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu

Trần Hữu D, sinh ngày 07/4/2010 cho ông Trần Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hữu Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hữu Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 05/02/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Hữu D, sinh ngày 07/4/2010 cho ông Trần Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hữu Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T, ông

Trần Hữu Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016220 ngày 31/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q, H.C,tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang